

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48 /2008/QĐ- BTC

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định áp dụng quản lý rủi ro
trong hoạt động nghiệp vụ hải quan**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*mm*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- UBND các Tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Phòng TM&CN Việt Nam;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCHQ,

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2008

QUY ĐỊNH

Về áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48 /2008/QĐ-BTC
ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro trong các hoạt động nghiệp vụ được quy định tại Luật hải quan, bao gồm:

1. Thủ tục hải quan;
2. Kiểm tra hải quan;
3. Giám sát hải quan;
4. Kiểm soát hải quan;
5. Kiểm tra sau thông quan;
6. Các hoạt động nghiệp vụ khác liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Rủi ro (trong hoạt động nghiệp vụ hải quan) là nguy cơ tiềm ẩn việc không tuân thủ pháp luật về hải quan trong thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

2. Quản lý rủi ro là việc áp dụng có hệ thống các biện pháp, quy trình nghiệp vụ và thông lệ nhằm giúp cơ quan hải quan bố trí, sắp xếp nguồn lực hợp lý để tập trung quản lý có hiệu quả đối với các lĩnh vực, đối tượng được xác định là rủi ro.

3. Tiêu chí quản lý rủi ro là dấu hiệu có giá trị định lượng, làm công cụ để đánh giá mức độ rủi ro và hỗ trợ việc quyết định biện pháp xử lý rủi ro một cách phù hợp, có hiệu quả.

4. Xác định rủi ro là quá trình thu thập, phân tích thông tin để làm rõ vi phạm pháp luật về hải quan có khả năng xảy ra, nguyên nhân và nội dung của khả năng xảy ra vi phạm.

5. Phân tích rủi ro là việc sử dụng kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng và kỹ thuật công nghệ thông tin để xem xét một cách có hệ thống các nguồn thông tin hiện có nhằm xác định khả năng xảy ra và hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về hải quan.

6. Đánh giá rủi ro là việc xem xét một cách có hệ thống các rủi ro đã được xác định, phân tích bằng việc đối chiếu với tiêu chí quản lý rủi ro đã được thiết lập và những rủi ro đã được xử lý trước đó.

7. Hồ sơ quản lý rủi ro là tập hợp thông tin, dữ liệu về quá trình xác định, phân tích, đánh giá, xử lý đối với một rủi ro cụ thể, được lưu trữ dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử, nhằm phục vụ quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

8. Hồ sơ quản lý doanh nghiệp là tập hợp thông tin, dữ liệu được cập nhật thường xuyên, phản ánh trạng thái hoạt động và thái độ chấp hành pháp luật của doanh nghiệp nhằm phục vụ quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro

1. Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro nhằm tạo thuận lợi đối với các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt pháp luật về hải quan; đồng thời kiểm soát chặt chẽ các đối tượng không tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Cơ quan hải quan thực hiện thu thập, phân tích thông tin, đánh giá rủi ro ở các giai đoạn trước, trong và sau thông quan theo các tiêu chí được xác định trong từng thời điểm, phù hợp với quy định của pháp luật về hải quan, điều kiện và khả năng thực tế để ra quyết định việc kiểm tra, giám sát, kiểm tra sau thông quan, kiểm soát hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo các trường hợp dưới đây :

- a) Không tuân thủ pháp luật hải quan;
- b) Có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan;
- c) Kết quả phân tích, đánh giá xác định mức độ rủi ro cao;
- d) Lựa chọn ngẫu nhiên.

3. Cơ quan hải quan áp dụng miễn kiểm tra đối với các đối tượng không thuộc các trường hợp quy định tại điểm 2 nêu trên.

4. Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro theo Quy trình và các quy định về quyền hạn, trách nhiệm được quy định tại Quyết định này.

5. Các quy trình nghiệp vụ hải quan phải được xây dựng, áp dụng dựa trên các quy định về áp dụng quản lý rủi ro.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy trình quản lý rủi ro

Cơ quan hải quan áp dụng quy trình quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan theo trình tự sau đây:

1. Thu thập thông tin, xác định rủi ro trong các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan;

2. Phân tích, đánh giá rủi ro; xây dựng hồ sơ quản lý doanh nghiệp và hồ sơ quản lý rủi ro để đánh giá mức độ chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải;

3. Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ hải quan theo quy định của pháp luật dựa trên kết quả phân tích, xử lý thông tin và dựa trên nguồn nhân lực, vật lực hiện có để đảm bảo việc thực thi pháp luật về hải quan;

4. Theo dõi, kiểm tra đánh giá lại việc thực hiện nội dung tại các bước nêu trên; đo lường, đánh giá mức độ chấp hành pháp luật về hải quan của các tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải, để điều chỉnh, bổ sung việc thực hiện hoạt động nghiệp vụ hải quan một cách có hiệu quả.

Điều 5. Thông tin phục vụ quản lý rủi ro

Cơ quan Hải quan áp dụng quản lý rủi ro dựa trên việc thu thập, phân tích, đánh giá thông tin về các đối tượng dưới đây:

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải;

2. Các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài là đối tác hoặc có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải;

3. Nơi xuất xứ hàng hoá nhập khẩu;
4. Quốc gia, khu vực xuất khẩu hàng hoá hoặc là địa điểm trung chuyển hàng hoá vào Việt Nam;
5. Quốc gia, khu vực nhập khẩu hàng hoá hoặc là địa điểm trung chuyển hàng hoá từ Việt Nam;
6. Thông tin và chính sách quản lý của cơ quan quản lý nhà nước đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;
7. Chính sách ưu đãi trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; chính sách ưu đãi về hạn ngạch thuế quan của Nhà nước Việt Nam hoặc giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc khu vực trên thế giới;
8. Quy trình thủ tục hải quan và các hoạt động liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;
9. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh;
10. Hồ sơ hải quan;
11. Trị giá hải quan;
12. Phân loại hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;
13. Thanh toán trong quá trình thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá, xuất cảnh, nhập cảnh phương tiện vận tải;
14. Phương thức vận chuyển, đóng gói hàng hoá;
15. Phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;
16. Tuyến đường vận chuyển hàng hoá;
17. Địa điểm làm thủ tục hải quan.

Điều 6. Tiêu chí quản lý rủi ro

1. Tiêu chí quản lý rủi ro bao gồm:
 - a) Tiêu chí theo quy định của pháp luật hải quan, chính sách quản lý nhà nước về hải quan trong từng thời điểm, giai đoạn cụ thể;
 - b) Tiêu chí phân tích là nhóm các chỉ số phản ánh về dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan;
 - c) Tiêu chí tính điểm rủi ro là nhóm các chỉ số được tập hợp và tính toán mức độ rủi ro dựa trên việc đánh giá và cho điểm rủi ro trước đối với các chỉ số tham gia vào quá trình tính toán;

d) Tiêu chí lựa chọn ngẫu nhiên là việc áp dụng phép toán xác suất, thống kê dựa trên các chỉ số liên quan để lựa chọn ngẫu nhiên các đối tượng kiểm tra theo tỉ lệ nhất định theo quy định của Luật hải quan.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào tình hình thực tế quyết định và phân cấp xây dựng bộ tiêu chí quản lý rủi ro cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về hải quan trong từng thời kỳ, từng địa phương.

Điều 7. Hồ sơ quản lý rủi ro, hồ sơ quản lý doanh nghiệp

1. Hồ sơ quản lý rủi ro bao gồm các nội dung sau:

- a) Danh mục rủi ro trong quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;
- b) Kết quả đánh giá mức độ rủi ro theo danh mục rủi ro được xác định;
- c) Các tiêu chí phân tích định hướng hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;
- d) Biện pháp xử lý và chỉ dẫn nghiệp vụ nhằm hỗ trợ quá trình xử lý rủi ro;
- đ) Các yêu cầu phản hồi thông tin.

2. Hồ sơ quản lý doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:

- a) Bộ chỉ tiêu thông tin phản ánh tình trạng hoạt động của doanh nghiệp;
- b) Bộ tiêu chí đánh giá doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan;
- c) Bộ tiêu chí đánh giá, phân loại mức độ rủi ro của doanh nghiệp;
- d) Các tổ hợp xác định rủi ro của doanh nghiệp dựa trên kết quả phân tích, đánh giá rủi ro;

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào tình hình thực tế quyết định phân công, phân cấp trách nhiệm xây dựng, quản lý, ứng dụng hồ sơ quản lý rủi ro và hồ sơ quản lý doanh nghiệp.

Điều 8. Ứng dụng kỹ thuật và công nghệ thông tin phục vụ quản lý rủi ro

1. Cơ quan hải quan xây dựng và phát triển hệ thống thu thập, xử lý dữ liệu điện tử để phục vụ xác định, đánh giá rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan;

2. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử phục vụ quản lý rủi ro phải duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục 24/24 giờ, 7 ngày/tuần; đảm bảo an ninh và an toàn dữ liệu;

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào tình hình thực tế và chiến lược phát triển, hiện đại hoá hải quan để quyết định trang bị hệ thống kỹ thuật, công nghệ thông tin phù hợp và hiệu quả.

Điều 9. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan hải quan và công chức khi thực hiện quản lý rủi ro

1. Quyền hạn của cơ quan hải quan và công chức hải quan

a) Được sử dụng các biện pháp, phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ theo pháp luật quy định để thực hiện quản lý rủi ro;

b) Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan căn cứ vào kết quả phân tích, đánh giá rủi ro của hệ thống xử lý dữ liệu điện tử và thông tin nghiệp vụ tại thời điểm làm thủ tục hải quan để quyết định hình thức, mức độ kiểm tra đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

2. Trách nhiệm của cơ quan hải quan và công chức hải quan

a) Thực hiện áp dụng quản lý rủi ro là trách nhiệm của mọi công chức hải quan ở các khâu nghiệp vụ hải quan. Cơ quan hải quan và công chức hải quan tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về hải quan và nội dung quy định tại Quyết định này;

b) Thực hiện thu thập dữ liệu, thông tin; phân tích, đánh giá rủi ro đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải;

c) Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc áp dụng quy trình và các biện pháp, kỹ thuật quản lý rủi ro vào hoạt động nghiệp vụ trong phạm vi địa bàn quản lý;

d) Khi đã thực hiện đúng các quy định tại Quyết định này và quy trình, quy định của Tổng cục Hải quan nhưng không phát hiện được vi phạm pháp luật về hải quan thì công chức hải quan thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy trình quản lý rủi ro được miễn trừ trách nhiệm cá nhân.

Điều 10. Trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ quản lý rủi ro

1. Trách nhiệm phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ quản lý rủi ro giữa Tổng cục Hải quan với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính:

Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp, trao đổi, chuyển giao thông tin phục vụ áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý nhà nước về hải quan.

2. Trách nhiệm phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ áp dụng quản lý rủi ro giữa các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan:

a) Các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thu thập, phân tích, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan để xây dựng cơ sở dữ liệu theo lĩnh vực nghiệp vụ chuyên môn; phân quyền kết nối, khai thác, tích hợp thông tin từ cơ sở dữ liệu và chuyển giao đầy đủ, kịp thời cho đơn vị chuyên trách áp dụng quản lý rủi ro của ngành hải quan.

b) Các Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai công tác thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan để xác định rủi ro, thiết lập tiêu chí quản lý rủi ro trong địa bàn quản lý; báo cáo, chuyển giao thông tin kịp thời cho đơn vị chuyên trách áp dụng quản lý rủi ro của ngành hải quan theo quy định.

c) Đơn vị chuyên trách áp dụng quản lý rủi ro cấp Tổng cục chủ trì, phối hợp để xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thu thập, xử lý dữ liệu phục vụ áp dụng quản lý rủi ro.

3. Trách nhiệm phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ quản lý rủi ro giữa Tổng cục Hải quan với các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan:

a) Tổng cục Hải quan thực hiện việc trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ quản lý rủi ro theo quy định tại khoản 1; điểm b khoản 2; khoản 3 Điều 74, Chương VII, Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan.

b) Cơ quan Hải quan phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải để tiến hành thu thập thông tin phục vụ áp dụng quản lý rủi ro; có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện, giải đáp vướng mắc của các tổ chức, cá nhân liên quan đến áp dụng quản lý rủi ro.

c) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 65 Luật Hải quan.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cơ quan Hải quan, công chức Hải quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện, phối hợp thực hiện các quy định về áp dụng quản lý rủi ro

ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan được khen thưởng theo quy định của pháp luật;

2. Nghiêm cấm công chức hải quan và tổ chức, cá nhân có liên quan lợi dụng việc áp dụng quản lý rủi ro để vi phạm pháp luật về hải quan;

3. Tổ chức, cá nhân liên quan nếu vi phạm các quy định tại Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại (nếu có) hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm ban hành các quy trình, quy định, hướng dẫn về áp dụng quản lý rủi ro và xây dựng, áp dụng các quy trình nghiệp vụ hải quan dựa trên các quy định tại Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

A circular official seal of the General Department of Customs and Tax Administration of Vietnam is stamped over a handwritten signature. The signature is written in black ink and extends to the right of the seal. The seal contains the text 'TỔNG CỤC HẢI QUAN VIỆT NAM' around the perimeter and a central emblem.

Đỗ Hoàng Anh Tuấn